

TỔNG CÔNG TY IDICO
CÔNG TY CỔ PHẦN
THỦY ĐIỆN SROK PHU MIÊNG IDICO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 172/CT-VPTH
V/v Công bố thông tin Báo cáo tài chính bán niên
năm 2023 đã được soát xét

Bình Phước, ngày 14 tháng 8 năm 2023

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Công ty : Công ty cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO.
Mã chứng khoán : ISH.
Trụ sở chính : Xã Long Bình, huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước.
Điện thoại : 0271.3731400 - 0271.3731170.
Fax : 0271.3731092.

Người công bố thông tin : Ông Nguyễn Thanh Hoài.
Địa chỉ : Công ty cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO.
Điện thoại : 0271.3731400.
Fax : 0271.3731092.

Loại thông tin công bố : 24h 72h yêu cầu bất thường định kỳ.

Nội dung thông tin công bố : Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023.

Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 14/8/2023 tại đường dẫn www.idico-shp.com.vn.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận: Tac
- Như trên;
- Lưu VPTH.

Người thực hiện công bố thông tin
Giám đốc

Nguyễn Thanh Hoài



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SROK PHU MIÊNG IDICO
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ	5 - 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	8
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	9 - 32

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy Điện Srok Phu Miêng IDICO trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập từ cổ phần hóa Doanh nghiệp Nhà nước - Đơn vị thành viên hạch toán độc lập của Tổng công ty Đầu tư phát triển đô thị và khu công nghiệp Việt Nam - TNHH Một thành viên (IDICO) (nay là Tổng công ty IDICO - CTCP).

Công ty Cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 3800407449 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Bình Phước cấp lần đầu ngày 12/02/2008, thay đổi lần thứ 7 ngày 09/12/2021.

Vốn điều lệ theo Giấy đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 7 ngày 09/12/2021 là: 450.000.000.000 VND (Bốn trăm năm mươi tỷ đồng).

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: IDICO SROK PHU MIENG HYDROPOWER JOINT STOCK COMPANY.

Tên Công ty viết tắt là: IDICO - SHP.

Cổ phiếu của Công ty được giao dịch trên thị trường UpCOM với mã giao dịch là ISH.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Thôn 7, xã Long Bình, huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong suốt kỳ và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Văn Thịnh	Chủ tịch (Bổ nhiệm từ ngày 18/04/2023)
Ông Nguyễn Cao Nguyên	Chủ tịch (Miễn nhiệm từ ngày 18/04/2023)
Ông Nguyễn Thanh Hoài	Thành viên
Bà Trần Thùy Giang	Thành viên (Bổ nhiệm từ ngày 18/04/2023)
Ông Hoàng Văn Hiến	Thành viên (Miễn nhiệm từ ngày 18/04/2023)
Ông Nguyễn Phong Danh	Thành viên
Ông Mai Đình Nhật	Thành viên

Ban Kiểm soát

Ông Nguyễn Đăng Thanh	Trưởng ban
Ông Vũ Tuấn Anh	Thành viên (Bổ nhiệm từ ngày 18/04/2023)
Ông Bùi Tiến Dũng	Thành viên (Miễn nhiệm từ ngày 18/04/2023)
Ông Nguyễn Trương Tiến Đạt	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Thanh Hoài	Giám đốc
Ông Bùi Hải Nam	Phó Giám đốc

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/6/2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không, tất cả các sai lệch trọng yếu so với các chuẩn mực này được trình bày và giải thích trong các Báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính giữa niên độ để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động sản xuất kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc.



Nguyễn Thanh Hoài

Giám đốc

Bình Phước, ngày 10 tháng 8 năm 2023

Số: 130/2023/BCSX-CPA VIETNAM-HCM

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘKính gửi:**Các Cổ đông****Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc****Công ty Cổ phần Thủy Điện Srok Phu Miêng IDICO**

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Thủy Điện Srok Phu Miêng IDICO, được lập ngày 10/8/2023, từ trang 05 đến trang 32, bao gồm Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30/6/2023, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về hệ thống kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của Công ty thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/6/2023, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

**Nguyễn Thị Mai Hoa****Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2326-2023-137-1

Giấy Ủy quyền số: 08/2023/UQ-CPA VIETNAM ngày 06/01/2023 của Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM**Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT**

Hà Nội, ngày 10 tháng 8 năm 2023

1074
GTY
PHÂN
ĐIỂN
U MI
CO
T.BV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023.

TÀI SẢN	MS	TM	30/6/2023	01/01/2023
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		72.687.687.582	76.295.861.350
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	8.177.393.966	12.492.909.888
1. Tiền	111		4.177.393.966	492.909.888
2. Các khoản tương đương tiền	112		4.000.000.000	12.000.000.000
II- Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III- Các khoản phải thu ngắn hạn	130		56.792.933.701	55.797.084.203
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	56.044.596.199	54.921.493.880
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		661.837.502	713.678.502
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.3	86.500.000	161.911.821
IV- Hàng tồn kho	140	5.4	7.717.359.915	8.005.867.259
1. Hàng tồn kho	141		7.717.359.915	8.005.867.259
V- Tài sản ngắn hạn khác	150		-	-
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+230+240+250+260)	200		597.262.888.430	615.903.998.254
I Các khoản phải thu dài hạn	210		2.400.000	2.400.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	5.3	2.400.000	2.400.000
II Tài sản cố định	220		596.404.579.339	615.045.689.163
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.5	420.992.956.461	436.973.991.137
- Nguyên giá	222		1.085.807.715.737	1.085.699.661.737
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(664.814.759.276)	(648.725.670.600)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.6	175.411.622.878	178.071.698.026
- Nguyên giá	228		216.634.774.678	216.634.774.678
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(41.223.151.800)	(38.563.076.652)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		855.909.091	855.909.091
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.7	855.909.091	855.909.091
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI Tài sản dài hạn khác	260		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		669.950.576.012	692.199.859.604

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023

NGUỒN VỐN	MS	TM	30/6/2023	01/01/2023
			VND	VND
C- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310)	300		60.501.089.638	116.216.932.379
I- Nợ ngắn hạn	310		60.501.089.638	116.216.932.379
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.8	110.150.634	168.656.259
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	110.781.250
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.9	9.783.126.496	22.540.397.788
4. Phải trả người lao động	314		1.097.614.330	3.969.069.174
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.10	31.045.631.487	60.265.181.199
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.11	16.387.212.352	24.324.944.068
7. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	4.308.223.795
8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		2.077.354.339	529.678.846
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		609.449.486.374	575.982.927.225
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.12	609.449.486.374	575.982.927.225
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		450.000.000.000	450.000.000.000
- CP phổ thông có quyền biểu quyết	411a		450.000.000.000	450.000.000.000
2. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		159.449.486.374	125.982.927.225
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kì trước	421a		122.723.927.225	49.054.889.344
- LNST chưa phân phối kì này	421b		36.725.559.149	76.928.037.881
II- Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		669.950.576.012	692.199.859.604

Người lập



Trần Thị Mai

Kế toán trưởng



Vũ Thị Thúy

Bình Phước, ngày 10 tháng 8 năm 2023

Giám đốc



Nguyễn Thanh Hoài

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
			kết thúc ngày 30/6/2023	kết thúc ngày 30/6/2022
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	92.698.605.902	99.783.446.442
2. Các khoản giảm trừ doanh thu		02	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	6.1	92.698.605.902	99.783.446.442
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	41.227.463.630	44.846.267.746
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		51.471.142.272	54.937.178.696
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	180.939.351	68.738.287
7. Chi phí tài chính	22	6.4	979.786.367	1.409.594.858
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		979.786.367	1.409.594.858
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	5.782.028.809	5.674.839.522
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}	30		44.890.266.447	47.921.482.603
11. Thu nhập khác	31		2.460	2.241
12. Chi phí khác	32		11.114.000	-
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		(11.111.540)	2.241
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		44.879.154.907	47.921.484.844
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.6	8.153.595.758	9.614.939.708
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		36.725.559.149	38.306.545.136
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.7	816,12	815,05

Người lập

Trần Thị Mai

Kế toán trưởng

Vũ Thị Thúy

Bình Phước, ngày 10 tháng 8 năm 2023
Giám đốc



Nguyễn Thanh Hoài

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
			kết thúc ngày 30/6/2023 VND	kết thúc ngày 30/6/2022 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		44.879.154.907	47.921.484.844
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02		18.625.455.213	18.551.533.340
- Các khoản dự phòng	03		(4.308.223.795)	-
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(180.939.351)	(68.738.287)
- Chi phí lãi vay	06		979.786.367	1.409.594.858
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08		59.995.233.341	67.813.874.755
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(995.849.498)	9.918.093.221
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		347.881.448	(5.276.519.969)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(3.357.762.357)	(1.361.461.055)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		-	(196.694.000)
- Tiền lãi vay đã trả	14		979.638.423	(1.876.886.425)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(23.360.239.314)	(8.627.835.547)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(1.646.990.000)	(863.980.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		31.961.912.043	59.528.590.980
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(108.054.000)	-
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		180.939.351	68.738.287
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		72.885.351	68.738.287
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33		29.975.804.380	30.805.007.344
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(37.913.536.096)	(57.359.942.607)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(28.412.581.600)	(24.548.796.320)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(36.350.313.316)	(51.103.731.583)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(4.315.515.922)	8.493.597.684
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5.1	12.492.909.888	6.340.236.283
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60)	70	5.1	8.177.393.966	14.833.833.967

Người lập

Trần Thị Mai

Kế toán trưởng

Vũ Thị Thúy

Bình Phước, ngày 10 tháng 8 năm 2023

Giám đốc



Nguyễn Thanh Hoài

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO được thành lập từ cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước - đơn vị thành viên hạch toán độc lập của Tổng công ty Đầu tư phát triển đô thị và khu công nghiệp Việt Nam - TNHH Một thành viên (IDICO) (nay là Tổng công ty IDICO - CTCP).

Công ty Cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3800407449 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Bình Phước cấp lần đầu ngày 12/02/2008, thay đổi lần thứ 7 ngày 09/12/2021.

Vốn điều lệ theo Giấy đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 7 ngày 09/12/2021 là: 450.000.000.000 VND (Bốn trăm năm mươi tỷ đồng).

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: IDICO SROK PHU MIENG HYDROPOWER JOINT STOCK COMPANY.

Tên Công ty viết tắt là: IDICO - SHP.

Cổ phiếu của Công ty được giao dịch trên thị trường UpCOM với mã giao dịch là ISH.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại: Thôn 7, Xã Long Bình, Huyện Phú Riềng, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30/6/2023 là 63 người (tại ngày 31/12/2022: 64 người).

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh theo giấy phép đăng ký kinh doanh của Công ty:

- Sản xuất điện: Chi tiết: Thủy điện, Nhiệt điện than, Nhiệt điện khí, Điện gió, Điện mặt trời, Điện khác;
- Truyền tải và phân phối điện: Chi tiết: Truyền tải điện, Phân phối điện;
- Khai thác, xử lý và cung cấp nước;
- Trồng cây cao su;
- Trồng cây lâu năm khác;
- Giáo dục khác chưa được phân vào đâu: Chi tiết: Đào tạo Trường ca, công nhân vận hành nhà máy điện;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan: Chi tiết: Giám sát thi công xây dựng cơ bản, giám sát lắp đặt thiết bị công trình điện, quản lý dự án đầu tư;
- Xây dựng nhà ở;
- Xây dựng công trình điện;
- Xây dựng công trình cấp, thoát nước;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác: Chi tiết: Thi công lắp đặt máy móc, thiết bị, kết cấu kim loại phục vụ công tác xây dựng.

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ là kinh doanh điện, nước sạch, khai thác mỏ cao su.

1.3. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

040
CÔNG
CỔ PHẦN
THỦY ĐIỆN
SROK PHU
MIÊNG
IDICO
V.G-T

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

1.4 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính giữa niên độ

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT- BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ là có thể so sánh được.

1. KỲ KẾ TOÁN NĂM, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được lập cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ này.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ:

Cơ sở lập Báo cáo tài chính giữa niên độ

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

445
Y
N
EN
NIEN
NH
K
SI
/

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp nhập trước xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị quyết toán công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác và thuế trước bạ (nếu có).

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự xây dựng, tự sản xuất bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng và vật kiến trúc	10 - 50
Máy móc và thiết bị	06 - 25
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	03 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 06
Vườn cây cao su	20

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

- Tài sản cố định vô hình của Công ty là giá trị quyền sử dụng đất theo Quyết định số 1346/QĐ-BXD ngày 31/10/2007 của Bộ Xây dựng về giá trị bộ phận doanh nghiệp thực hiện cổ phần hóa Nhà máy thủy điện Srok Phu Miêng IDICO thuộc Tổng công ty Đầu tư phát triển đô thị và khu công nghiệp Việt Nam.
- Chi phí rà phá bom mìn: Là toàn bộ chi phí thực tế của Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp đến dự án Nhà máy thủy điện Srok Phu Miêng.

TSCĐ vô hình là Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hiệu lực của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thời gian khấu hao là 50 năm.

Chi phí rà phá bom mìn của Công ty được khấu hao theo phương pháp đường thẳng thời gian khấu hao trong vòng 20 năm.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng không quá 36 tháng.

Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay, phải trả nội bộ và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: Gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực kế toán chi phí đi vay.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm hoặc tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ Báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ.

Các khoản dự phòng phải trả của Công ty bao gồm: Đại tu và tiểu tu tổ máy H1 và H2.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Vốn khác của chủ sở hữu được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả sau khi có Thông báo chia cổ tức của Hội đồng quản trị Công ty và Thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán điện năng, cung cấp nước sạch và khai thác bán mù cao su.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác (Tiếp theo)

Doanh thu bán hàng hóa, sản phẩm

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán điện

Doanh thu bán điện được xác định và ghi nhận dựa trên sản lượng điện (xác định theo chỉ số trên công tơ điện) và giá bán điện đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Doanh thu bán nước sạch

Doanh thu bán nước sạch được xác định và tính toán dựa trên bảng giá tiền nước quy định bởi UBND tỉnh Bình Phước và khối lượng nước tiêu thụ hàng tháng, được xác định theo chỉ số đồng hồ nước đo được của các khách hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác:

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái.

001
CỘNG
HỘI
K PH
IDH
VG-T

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông đã trừ đi số đã trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động trong các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là điện, nước sạch, trồng và khai thác mủ cao su và hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam. Báo cáo bộ phận sẽ được lập theo lĩnh vực kinh doanh.

074
TY
IÁN
HIỆN
MIÈ
O
ĐINH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/6/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tiền mặt	104.995.000	6.391.000
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	4.072.398.966	486.518.888
Các khoản tương đương tiền (i)	4.000.000.000	12.000.000.000
Tổng	8.177.393.966	12.492.909.888

(i) Các khoản tương đương tiền là khoản tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Phước có kỳ hạn 1 tháng với lãi suất 3,1% năm.

5.2 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/6/2023	01/01/2023
	VND	VND
Công ty mua bán điện - EVN	55.295.816.086	53.958.083.596
Các đối tượng khác	748.780.113	963.410.284
Tổng	56.044.596.199	54.921.493.880

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SROK PHU MIÊNG IDICO

Thôn 7, xã Long Bình, huyện Phú Riềng,
tỉnh Bình Phước, Việt Nam.

Mẫu số B 09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

5.3 Phải thu khác

	30/6/2023 (VND)		01/01/2023 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
a) Ngắn hạn	86.500.000	-	161.911.821	-
Phải thu khác	-	-	75.411.821	-
Tạm ứng	86.500.000	-	86.500.000	-
b) Dài hạn	2.400.000	-	2.400.000	-
Ký cược, ký quỹ	2.400.000	-	2.400.000	-
Tổng	88.900.000	-	164.311.821	-

5.4 Hàng tồn kho

	30/6/2023 (VND)		01/01/2023 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	7.657.985.811	-	8.003.727.259	-
Công cụ, dụng cụ	-	-	2.140.000	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	59.374.104	-	-	-
Tổng	7.717.359.915	-	8.005.867.259	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SROK PHU MIÈNG IDICOThôn 7, xã Long Bình, huyện Phú Riềng,
tỉnh Bình Phước, Việt Nam.

Mẫu số B 09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

5.5 Tăng, Tài sản cố định hữu hình*Đơn vị tính: VND*

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cây lâu năm	Tổng
NGUYÊN GIÁ						
Số dư tại ngày 01/01/2023	602.508.846.988	470.207.943.534	5.113.534.871	1.036.598.651	6.832.737.693	1.085.699.661.737
Tăng trong kỳ	-	108.054.000	-	-	-	108.054.000
Mua trong kỳ	-	108.054.000	-	-	-	108.054.000
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Số dư tại ngày 30/6/2023	602.508.846.988	470.315.997.534	5.113.534.871	1.036.598.651	6.832.737.693	1.085.807.715.737
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư tại ngày 01/01/2023	259.683.395.516	381.659.940.221	4.852.428.093	685.589.026	1.844.317.744	648.725.670.600
Tăng trong kỳ	8.352.791.093	7.452.324.111	32.737.674	73.113.486	178.122.312	16.089.088.676
Khấu hao trong kỳ	8.288.456.586	7.452.324.111	32.737.674	73.113.486	178.122.312	16.024.754.169
Khấu hao tài sản hình thành từ quỹ khen thưởng phúc lợi	64.334.507	-	-	-	-	64.334.507
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Số dư tại ngày 30/6/2023	268.036.186.609	389.112.264.332	4.885.165.767	758.702.512	2.022.440.056	664.814.759.276
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 01/01/2023	342.825.451.472	88.548.003.313	261.106.778	351.009.625	4.988.419.949	436.973.991.137
Tại ngày 30/6/2023	334.472.660.379	81.203.733.202	228.369.104	277.896.139	4.810.297.637	420.992.956.461

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố các khoản vay tại ngày 30/6/2023 là 58.977.711.258 VND (tại ngày 31/12/2022 là 64.440.400.326 VND).

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị tại ngày 30/6/2023 là 109.291.408.982 VND (tại ngày 31/12/2022 là 108.289.189.233 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

5.6 Tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

	Quyền sử dụng đất(i)	Tài sản cố định vô hình khác	Tổng
NGUYÊN GIÁ			
Số dư tại ngày 01/01/2023	214.699.124.542	1.935.650.136	216.634.774.678
Tăng trong kỳ	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số dư tại ngày 30/6/2023	214.699.124.542	1.935.650.136	216.634.774.678
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư tại ngày 01/01/2023	36.990.355.132	1.572.721.520	38.563.076.652
Tăng trong kỳ	2.611.684.668	48.390.480	2.660.075.148
Khấu hao trong kỳ	2.611.684.668	48.390.480	2.660.075.148
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số dư tại ngày 30/6/2023	39.602.039.800	1.621.112.000	41.223.151.800
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01/01/2023	177.708.769.410	362.928.616	178.071.698.026
Tại ngày 30/6/2023	175.097.084.742	314.538.136	175.411.622.878

(i) Quyền sử dụng đất của Công ty bao gồm:

+ GCN QSDĐ số AH 514219 được UBND tỉnh Bình Phước cấp ngày 09/5/2007, địa chỉ tại xã Thanh An, huyện Bình Long, tỉnh Bình Phước với diện tích 285.004 m², có thời hạn sử dụng đất đến 09/5/2057.

+ GCN QSDĐ số BD752354 được UBND tỉnh Bình Phước cấp ngày 05/7/2011, địa chỉ tại xã Long Bình, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước với diện tích 468.588 m², có thời hạn sử dụng đất đến 09/5/2057.

+ Quyết định giao đất số 2610/QĐ-UBND tỉnh Bình Phước ngày 20/10/2016 về việc giao đất cho Công ty Cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng để quản lý vùng ngập thủy điện Srok Phu Miêng với diện tích 16.451.592 m², có thời hạn sử dụng đất đến 09/5/2057.

5.7 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	30/6/2023 VND	01/01/2023 VND
Dự án Điện năng lượng mặt trời Srok Phu Miêng	855.909.091	855.909.091
Tổng	855.909.091	855.909.091

(i) Đây là chi phí liên quan đến việc lập hồ sơ bổ sung quy hoạch dự án Nhà máy điện mặt trời Srok Phu Miêng khu Đầu mối và vùng bán ngập lòng hồ Thủy điện Srok Phu Miêng. Đến thời điểm lập báo cáo tài chính, Công ty đang chờ các quyết định phê duyệt từ các cơ quan có thẩm quyền để tiếp tục triển khai dự án.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SROK PHÚ MIỀNG IDICOThôn 7, xã Long Bình, huyện Phú Riềng,
tỉnh Bình Phước, Việt Nam.

Mẫu số B 09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

5.8 Phải trả người bán ngắn hạn

	30/06/2023(VND)		01/01/2023 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH Giang Sơn	60.035.656	60.035.656	60.035.656	60.035.656
Phải trả người bán khác	50.114.978	50.114.978	108.620.603	108.620.603
Tổng	110.150.634	110.150.634	168.656.259	168.656.259

5.9 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2023	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	30/06/2023
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	621.160.248	8.050.315.183	7.159.933.816	1.511.541.615
Thuế thu nhập doanh nghiệp (i)	21.702.037.314	8.161.797.758	23.360.239.314	6.503.595.758
Thuế thu nhập cá nhân	215.094.307	1.118.046.043	1.301.764.422	31.375.928
Thuế tài nguyên	2.105.919	7.877.767.433	6.166.345.447	1.713.527.905
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	58.451.409	35.366.119	23.085.290
Tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước	-	2.858.470.500	2.858.470.500	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	3.000.000	3.000.000	-
Tổng	22.540.397.788	28.127.848.326	40.885.119.618	9.783.126.496

(i) Trong tổng số thuế TNDN Công ty phải nộp trong kỳ là 8.161.797.758 VND, Trong đó, số thuế TNDN phải nộp của năm 2023 là 8.153.595.758 VND và số thuế phải nộp bổ sung của năm 2022 là 8.202.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SROK PHU MIẾNG IDICO

Thôn 7, xã Long Bình, huyện Phú Riềng,
tỉnh Bình Phước, Việt Nam.

Mẫu số B 09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

5.10 Phải trả ngắn hạn khác

	30/6/2023 VND	01/01/2023 VND
Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng	1.825.654.108	2.675.062.848
Tiền đền bù giải phóng mặt bằng người dân chưa nhận	621.540.979	607.807.303
Cổ tức phải trả Cổ đông (i)	1.990.421.000	20.961.507.000
Tạm ứng cổ tức năm 2022	26.558.504.400	36.000.000.000
Phải trả khác	49.511.000	20.804.048
Tổng	31.045.631.487	60.265.181.199

Trong đó: Phải trả khác là các bên liên quan (chi tiết trình bày tại thuyết minh số 7.2)

25.707.114.400	49.754.100.400
----------------	----------------

(i) Đây là khoản phải trả Cổ tức cho các Cổ đông chưa đăng ký tại Trung tâm lưu ký chứng khoán. Công ty đã thực hiện thông báo và liên lạc để chi trả tuy nhiên đến thời điểm phát hành báo cáo các Cổ đông vẫn chưa đến Công ty để nhận Cổ tức.

5.11 Vay và nợ thuê tài chính

	30/06/2023 (VND)		Trong kỳ (VND)		01/01/2023 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Phước (i)	5.164.961.680	5.164.961.680	18.944.785.509	18.531.965.219	4.752.141.390	4.752.141.390
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Phước (ii)	11.222.250.672	11.222.250.672	11.031.018.871	19.381.570.877	19.572.802.678	19.572.802.678
Tổng	16.387.212.352	16.387.212.352	29.975.804.380	37.913.536.096	24.324.944.068	24.324.944.068

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SROK PHU MIÊNG IDICO

Thôn 7, xã Long Bình, huyện Phú Riềng,
tỉnh Bình Phước, Việt Nam.

Mẫu số B 09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

5.11 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)**(i) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Phước**

Số hợp đồng	THAOHTX2001/2022-HĐCVHM/NHCT504-SROKPHUMIENG
Ngày hiệu lực	13/07/2022
Hạn mức vay	20.000.000.000 VND
Mục đích vay	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh điện, nước sạch, thi công xây lắp và tư vấn giám sát năm 2022 - 2023
Thời hạn vay	Từ ngày 13/07/2022 đến hết ngày 30/06/2023
Lãi suất vay	Được quy định trong từng giấy đề nghị giải ngân kèm hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ
Hình thức đảm bảo tiền vay	Thế chấp tài sản chủ yếu: Nhà máy - Cụm xử lý nhà máy nước Bình Phước với giá trị còn lại của tài sản là 5.083.186.227 VND và các quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng Mua bán nước sạch số 396/2017/HĐMBNS ngày 28/3/2017 giữa Công ty Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO và Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh Bình Phước và các văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng này.

(ii) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Phước

Số hợp đồng	045A22/KHBB và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số: 02 ngày ngày 19/6/2023
Ngày hiệu lực	20/06/2022
Hạn mức vay	20.000.000.000 VND
Mục đích vay	Bổ sung vốn lưu động.
Thời hạn vay	12 tháng kể từ ngày ký kết hợp đồng và Duy trì Hạn mức cho vay đến hết ngày 20/9/2023.
Lãi suất vay	Được xác định tại thời điểm giải ngân vốn cho vay theo thông báo lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ được ghi trên từng Giấy nhận nợ
Hình thức đảm bảo tiền vay	Thế chấp tài sản: Máy móc thiết bị tổ máy 1, tổ máy 2 với giá trị còn lại của tài sản là 53.894.525.031 VND

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SROK PHU MIÈNG IDICOThôn 7, xã Long Bình, huyện Phú Riềng,
tỉnh Bình Phước, Việt Nam.

Mẫu số B 09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

5.12 Vốn chủ sở hữu**a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
Số dư tại ngày 01/01/2022	450.000.000.000	2.350.956.364	138.612.932.980	590.963.889.344
Lãi trong năm trước	-	-	112.928.037.881	112.928.037.881
Tăng từ vốn khác của chủ sở hữu	-	-	2.350.956.364	2.350.956.364
Chuyển vốn khác của chủ sở hữu sang lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	-	(2.350.956.364)	-	(2.350.956.364)
Chia cổ tức năm 2021	-	-	(90.000.000.000)	(90.000.000.000)
Trích lập Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(1.909.000.000)	(1.909.000.000)
Tạm ứng cổ tức năm 2022	-	-	(36.000.000.000)	(36.000.000.000)
Số dư tại 31/12/2022	450.000.000.000	-	125.982.927.225	575.982.927.225
Số dư tại ngày 01/01/2023	450.000.000.000	-	125.982.927.225	575.982.927.225
Lãi trong kỳ này	-	-	36.725.559.149	36.725.559.149
Trích lập Quỹ khen thưởng phúc lợi (i)	-	-	(2.259.000.000)	(2.259.000.000)
Trích Quỹ thưởng Ban quản lý điều hành (i)	-	-	(1.000.000.000)	(1.000.000.000)
Số dư tại ngày 30/6/2023	450.000.000.000	-	159.449.486.374	609.449.486.374

(i) Trong kỳ, Công ty phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2022 theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18/4/2023 của Đại hội Đồng cổ đông thường niên như sau:

- Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi với tỷ lệ 2% trên lợi nhuận sau thuế năm 2022 là 2.259.000.000 VND.

- Trích Quỹ thưởng Ban quản lý điều hành 1.000.000.000 VND.

- Chia cổ tức: 20% trên vốn điều lệ, tương đương 90.000.000.000 VND, trong đó: Công ty đã tạm ứng cổ tức: 36.000.000.000 VND (tương đương 8% trên vốn điều lệ), số cổ tức còn lại: 54.000.000.000 VND chưa được ghi nhận là Nợ phải trả trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/6/2023 do chưa có Thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và Thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

5.12 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

b. Chi tiết vốn chủ sở hữu

Đối tượng	Tại ngày 30/06/2023			Tại ngày 01/01/2023		
	Tỷ lệ	Số CP	Giá trị (VND)	Tỷ lệ	Số CP	Giá trị (VND)
Tổng Công ty IDICO - CTCP	51.78%	23.299.000	232.990.000.000	51.78%	23.299.000	232.990.000.000
Công ty TNHH Năng lượng REE	34.30%	15.433.893	154.338.930.000	34.30%	15.433.893	154.338.930.000
Vốn góp của tổ chức, cá nhân khác	13.92%	6.267.107	62.671.070.000	13.92%	6.267.107	62.671.070.000
Tổng	100%	45.000.000	450.000.000.000	100%	45.000.000	450.000.000.000

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022
	VND	VND
Vốn góp tại ngày 01 tháng 01	450.000.000.000	450.000.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp tại ngày 30 tháng 06	450.000.000.000	450.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

d. Cổ phiếu

	30/6/2023	01/01/2023
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	45.000.000	45.000.000
Cổ phiếu phổ thông	45.000.000	45.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/Cổ phiếu	10.000	10.000

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

6.1 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022
	VND	VND
Doanh thu sản xuất điện	87.227.258.144	94.828.857.435
Doanh thu sản xuất nước sạch	5.176.137.530	4.829.451.809
Doanh thu khai thác vườn cây cao su	295.210.228	125.137.198
Tổng	92.698.605.902	99.783.446.442

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

6.2 Giá vốn hàng bán

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022 VND
Giá vốn sản xuất điện	38.437.760.409	42.220.564.767
Giá vốn sản xuất nước sạch	2.670.955.013	2.524.883.317
Giá vốn khai thác vườn cây cao su	118.748.208	100.819.662
Tổng	41.227.463.630	44.846.267.746

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	180.939.351	68.738.287
Tổng	180.939.351	68.738.287

6.4 Chi phí hoạt động tài chính

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022 VND
Chi phí lãi vay	979.786.367	1.409.594.858
Tổng	979.786.367	1.409.594.858

6.5 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022 VND
Chi phí nhân viên quản lý	4.059.819.627	3.416.006.367
Chi phí vật liệu quản lý	162.862.651	223.680.184
Chi phí đồ dùng văn phòng	-	34.818.182
Chi phí khấu hao TSCĐ	782.287.182	778.238.694
Thuế phí và lệ phí	22.090.957	30.600.503
Chi phí dịch vụ mua ngoài	343.518.945	439.008.729
Chi phí bằng tiền khác	411.449.447	752.486.863
Tổng	5.782.028.809	5.674.839.522

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

6.6 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022 VND
1. Lợi nhuận kế toán trước thuế	44.879.154.907	47.921.484.844
<i>Điều chỉnh tăng lợi nhuận trước thuế</i>	<i>197.047.676</i>	<i>144.192.853</i>
<i>Thù lao HĐQT không trực tiếp điều hành</i>	<i>172.200.000</i>	<i>144.192.853</i>
<i>Chi phí không được trừ</i>	<i>24.847.676</i>	-
<i>Điều chỉnh giảm lợi nhuận trước thuế</i>	<i>4.308.223.795</i>	-
<i>Hoàn nhập dự phòng phải trả chi phí đại tu tổ máy H1, H2</i>	<i>4.308.223.795</i>	-
2. Thu nhập chịu thuế	40.767.978.788	48.065.677.697
3. Thu nhập được miễn giảm thuế	-	(9.020.841)
Thu nhập từ hoạt động bán mũ cao su	-	(9.020.841)
4. Thu nhập tính thuế	40.767.978.788	48.074.698.538
<i>Thuế suất thuế TNDN</i>	<i>20%</i>	<i>20%</i>
5. Thuế TNDN hiện hành	8.153.595.758	9.614.939.708

6.7 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022 VND (Trình bày lại)
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	36.725.559.149	38.306.545.136
<i>Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành</i>	-	<i>(1.629.500.000)</i>
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	36.725.559.149	36.677.045.136
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	45.000.000	45.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu) (i)	816,12	815,05

(i) Tại ngày báo cáo, Công ty chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 có thể được phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng ban quản lý điều hành. Nếu Công ty trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng ban quản lý điều hành cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023, lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông và lãi cơ bản trên cổ phiếu sẽ giảm đi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

6.7 Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Tiếp theo)

Trình bày lại Chỉ tiêu “Lãi cơ bản trên cổ phiếu” kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022:

Công ty xác định lại số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ thưởng Ban quản lý điều hành cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 theo tỷ lệ phân phối lợi nhuận năm 2022 Công ty đã được phê duyệt tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong năm 2023. Công ty đã xác định giá trị sẽ được giảm trừ vào lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông để xác định lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ kế toán kết thúc tại ngày 30/6/2022. Việc xác định lại nêu trên làm cho lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ kế toán kết thúc tại ngày 30/6/2022 giảm từ 851,26 VND xuống còn 815,05 VND và được trình bày lại như sau:

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2022		
	Số đã Báo cáo (VND)	Số trình bày lại (VND)	Chênh lệch (VND)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	38.306.545.136	38.306.545.136	-
<i>Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành</i>	-	(1.629.500.000)	(1.629.500.000)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	38.306.545.136	36.677.045.136	(1.629.500.000)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	45.000.000	45.000.000	-
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	851,26	815,05	36,21

6.9 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	970.193.455	1.919.779.343
Chi phí nhân công	11.737.795.163	9.568.356.020
Chi phí khấu hao tài sản cố định	18.625.455.213	18.551.533.340
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.361.786.924	1.196.299.809
Chi phí khác bằng tiền	14.314.261.684	19.285.138.756
Tổng	47.009.492.439	50.521.107.268

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

7. THÔNG TIN KHÁC

7.1 Thông tin bên liên quan

a) Danh sách các bên liên quan:

Stt	Bên liên quan	Mối quan hệ
1	Tổng công ty IDICO - CTCP	Công ty mẹ
2	Công ty TNHH Năng Lượng REE	Cổ đông lớn
3	Các cá nhân quản lý (Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc) và người thân cận của các cá nhân này.	Ảnh hưởng đáng kể

b) Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc

b1) Thù lao của Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức danh	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
		kết thúc ngày 30/6/2023	kết thúc ngày 30/6/2022
		VND	VND
Ông Nguyễn Văn Thịnh	Chủ tịch	21.600.000	-
Ông Nguyễn Cao Nguyên	Nguyên Chủ tịch	32.400.000	48.000.000
Ông Hoàng Văn Hiến	Nguyên thành viên	21.600.000	36.000.000
Ông Nguyễn Thanh Hoài	Thành viên - Giám đốc Công ty	36.000.000	36.000.000
Bà Trần Thùy Giang	Thành viên	14.400.000	-
Ông Nguyễn Phong Danh	Thành viên	36.000.000	36.000.000
Ông Mai Đình Nhật	Thành viên	36.000.000	15.000.000
Tổng		198.000.000	171.000.000

b2) Thù lao của Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức danh	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
		kết thúc ngày 30/6/2023	kết thúc ngày 30/6/2022
		VND	VND
Ông Nguyễn Đăng Thanh	Trưởng ban kiểm soát	30.000.000	30.000.000
Ông Bùi Tiến Dũng	Nguyên thành viên ban kiểm soát	14.400.000	24.000.000
Ông Vũ Tuấn Anh	Thành viên ban kiểm soát	9.600.000	-
Ông Nguyễn Trương Tiến Đạt	Thành viên ban kiểm soát	24.000.000	24.000.000
Tổng		78.000.000	78.000.000

b3) Thu nhập của Ban Giám đốc, Kế toán trưởng và người công bố thông tin

Họ và tên	Chức danh	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
		kết thúc ngày 30/6/2023	kết thúc ngày 30/6/2022
		VND	VND
Ông Nguyễn Thanh Hoài	Giám đốc	400.909.088	398.977.660
Ông Bùi Hải Nam	Phó Giám đốc	327.272.728	318.094.406
Bà Vũ Thị Thúy	Kế toán trưởng	314.454.546	304.252.016
Bà Nguyễn Thùy Linh	Người Công bố thông tin	219.636.350	209.418.950
Tổng		1.262.272.712	1.230.743.032

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

7.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

a) Giao dịch với các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
			kết thúc ngày 30/6/2023	kết thúc ngày 30/6/2022
			VND	VND
Giao dịch khác				
Tổng công ty IDICO-CTCP	Công ty mẹ	Lãi vay	-	684.041.095
		Cổ tức đã trả	14.179.200.000	11.000.000.000
		Nợ gốc vay	-	15.000.000.000
Công ty TNHH Năng Lượng REE	Cổ đông lớn	Cổ tức đã trả	9.867.786.000	6.000.000.000
Tổng			24.046.986.000	32.684.041.095

b) Số dư với các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	30/06/2023	01/01/2023
			VND	VND
Phải trả khác				
Tổng công ty IDICO-CTCP	Công ty mẹ	Cổ tức phải trả	15.360.000.000	29.539.200.000
Công ty TNHH Năng Lượng REE	Cổ đông lớn	Cổ tức phải trả	10.347.114.400	20.214.900.400
Tổng			25.707.114.400	49.754.100.400

7.3 Báo cáo bộ phận

Công ty lập Báo cáo bộ phận theo 3 bộ phận phân theo lĩnh vực kinh doanh gồm: Kinh doanh điện năng, kinh doanh nước và lĩnh vực khác gồm kinh doanh từ khai thác và bán mù cao su chiếm tỷ trọng nhỏ trong hoạt động của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

7.3 Báo cáo bộ phận (Tiếp theo)

Báo cáo Kết quả bộ phận cho kỳ kế toán kết thúc tại ngày 30/06/2023

	Kinh doanh điện VND	Kinh doanh nước VND	Khác VND	Tổng VND
Tổng doanh thu	87.227.258.144	5.176.137.530	295.210.228	92.698.605.902
Giá vốn từng bộ phận	(38.437.760.409)	(2.670.955.013)	(118.748.208)	(41.227.463.630)
Kết quả kinh doanh bộ phận	48.789.497.735	2.505.182.517	176.462.020	51.471.142.272
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	48.789.497.735	2.505.182.517	176.462.020	51.471.142.272
Lợi nhuận từ các khoản đầu tư	180.939.351	-	-	180.939.351
Chi phí tài chính (không phân bổ)	(979.786.367)	-	-	(979.786.367)
Chi phí quản lý từng bộ phận	(5.458.138.371)	(323.890.438)	-	(5.782.028.809)
Kết quả thu nhập khác	-	-	2.460	2.460
Kết quả chi phí khác	-	-	(11.114.000)	(11.114.000)
Lợi nhuận kế toán trước thuế	42.532.512.348	2.181.292.079	165.350.480	44.879.154.907
Điều chỉnh tăng lợi nhuận trước thuế	185.933.676	-	11.114.000	197.047.676
Điều chỉnh giảm lợi nhuận trước thuế	(4.308.223.795)	-	-	(4.308.223.795)
Thu nhập tính thuế	38.410.222.229	2.181.292.079	176.464.480	40.767.978.788
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(7.682.044.446)	(436.258.416)	(35.292.896)	(8.153.595.758)
Lợi nhuận trong kỳ	34.850.467.902	1.745.033.663	130.057.584	36.725.559.149

Tài sản bộ phận và nợ bộ phận kết thúc tại ngày 30/6/2023

	Kinh doanh điện VND	Kinh doanh nước VND	Khác VND	Tổng VND
TÀI SẢN				
Tài sản cố định	586.295.479.807	5.298.801.895	4.810.297.637	596.404.579.339
Xây dựng cơ bản dở dang	-	-	855.909.091	855.909.091
Các khoản phải thu	56.046.553.588	748.780.113	-	56.795.333.701
Hàng tồn kho				7.717.359.915
Tài sản không thể phân bổ				8.177.393.966
Tổng tài sản	642.342.033.395	6.047.582.008	5.666.206.728	669.950.576.012
NỢ PHẢI TRẢ				
Các khoản phải trả	40.539.615.809	273.683.564	15.458.610	40.828.757.983
Phải trả tiền vay	16.387.212.352	-	-	16.387.212.352
Nợ phải trả không phân bổ				3.285.119.303
Tổng nợ phải trả	56.926.828.161	273.683.564	15.458.610	60.501.089.638

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

7.3 Báo cáo bộ phận (Tiếp theo)

Báo cáo Kết quả bộ phận cho kỳ kế toán kết thúc tại ngày 30/06/2022

	Kinh doanh điện VND	Kinh doanh nước VND	Khác VND	Tổng
Tổng doanh thu	94.828.857.435	4.829.451.809	125.137.198	99.783.446.442
Giá vốn từng bộ phận	(42.220.564.767)	(2.524.883.317)	(100.819.662)	(44.846.267.746)
Kết quả kinh doanh bộ phận	52.608.292.668	2.304.568.492	24.317.536	54.937.178.696
Trừ: Chi phí không phân bổ	-	-	-	-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	52.608.292.668	2.304.568.492	24.317.536	54.937.178.696
Lợi nhuận từ các khoản đầu tư	68.738.287	-	-	68.738.287
Chi phí tài chính (không phân bổ)	(1.409.594.858)	-	-	(1.409.594.858)
Chi phí quản lý từng bộ phận	(5.395.797.492)	(274.598.569)	(4.443.461)	(5.674.839.522)
Kết quả thu nhập khác	-	-	2.241	2.241
Lợi nhuận kế toán trước thuế	45.871.638.605	2.029.969.923	19.876.316	47.921.484.844
Điều chỉnh tăng lợi nhuận trước thuế	144.192.853	-	-	144.192.853
Thu nhập được miễn giảm thuế	-	-	(9.020.841)	(9.020.841)
Thu nhập tính thuế	46.015.831.458	2.029.969.923	28.897.157	48.074.698.538
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(9.203.166.292)	(405.993.985)	(5.779.431)	(9.614.939.708)
Lợi nhuận trong kỳ	36.668.472.313	1.623.975.938	14.096.885	38.306.545.136

Tài sản bộ phận và nợ bộ phận kết thúc tại ngày 01/01/2023

	Kinh doanh điện VND	Kinh doanh nước VND	Khác VND	Tổng
TÀI SẢN				
Tài sản cố định	604.350.551.097	5.706.718.117	4.988.419.949	615.045.689.163
Xây dựng cơ bản dở dang	-	-	855.909.091	855.909.091
Các khoản phải thu	54.110.744.579	810.749.301	877.990.323	55.799.484.203
Hàng tồn kho	-	-	-	8.005.867.259
Tài sản không thể phân bổ	-	-	-	12.492.909.888
Tổng tài sản	658.461.295.676	6.517.467.418	6.722.319.363	692.199.859.604
NỢ PHẢI TRẢ				
Các khoản phải trả	86.561.652.465	530.638.981	21.511.336	87.113.802.782
Phải trả tiền vay	24.324.944.068	-	-	24.324.944.068
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	4.778.185.529
Tổng nợ phải trả	110.886.596.533	530.638.981	21.511.336	116.216.932.379

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

7.4 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

Số liệu so sánh trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

Người lập

Trần Thị Mai

Kế toán trưởng

Vũ Thị Thúy

Bình Phước, ngày 10 tháng 8 năm 2023

Giám đốc



Nguyễn Thanh Hoài

